

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Viện.

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 21/380 đường B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan

Tại phiên tòa vắng mặt chị H (đã có đơn xin vắng mặt), anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm

2020, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh P đi Đài Loan làm ăn. Từ khi đi Đài Loan đến nay, anh P chưa về lần nào. Anh P không quan tâm hay có trách nhiệm gì đối với mẹ con chị, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Trần Văn T, sinh ngày 27/10/2009 và Trần Văn N, sinh ngày 03/5/2014. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Trần Văn P tại Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh P vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Lê Thị P1, địa chỉ tại thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình anh P.

* Tại buổi xác minh tại gia đình anh Trần Văn P, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị P1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2023, bà P1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Trần Văn P và là mẹ chồng chị Trần Thị H. Anh P và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh P đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể thì bà không biết. Anh P vẫn thường xuyên liên hệ về nhà qua mạng xã hội Facebook hoặc Zalo. Gia đình bà có biết việc chị H xin ly hôn anh P, đó là việc của anh chị, anh chị tự quyết định, gia đình bà không can thiệp.

Về con chung, chị H và anh P có hai con chung là Trần Văn T sinh năm 2009 và Trần Văn N, sinh năm 2014. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với bà (là bà nội). Khi ly hôn, việc hai cháu ở với mẹ là do nguyện vọng của các cháu, bà không có ý kiến gì.

Bà đồng ý thay anh P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh P biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh P. Về con chung: giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Trần Thị H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Trần Văn P có đăng ký hộ khẩu tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh P ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh P tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng mẹ đẻ của anh P trình bày không biết địa chỉ anh P ở Đài Loan. Tuy nhiên, anh P vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà, vậy nên mẹ đẻ anh P là bà Lê Thị P1 vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh P, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn có tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị H, chị H đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị Trần Thị H và anh Trần Văn P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, chị H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn lại được nữa. Hiện chị H đang sống tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa, anh P sống và làm việc ở Đài Loan. Chị H không cung cấp được địa chỉ nơi ở và làm việc của anh P tại Đài Loan cho Tòa án. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 27/10/2009 và Trần Văn N, sinh ngày 03/5/2014. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nguyên vọng của hai cháu là được ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay anh P đang ở nước ngoài, sẽ khó có điều kiện chăm sóc tốt cho các con, do đó chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Anh P không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh P có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H:

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Giao hai cháu Trần Văn T, sinh ngày 27/10/2009 và Trần Văn N, sinh ngày 03/5/2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh P có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp (do chị Nguyễn Thị H1 nộp thay) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000397 ngày 05/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND TT Hậu Lộc, huyện
Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Viện

Nguyễn Thị Mai Hoa

Mai Nam Tiến

